TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2019
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Cái Hoàng Bảo
2/. Bà Phạm Thị Nhâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2018/TLST-HN ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T (Tròn), sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Văn L chung sống với nhau vào khoảng năm 2006. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Hồ Thị T xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau khi chung sống với nhau được khoảng vài năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng

ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Lý do chính là do anh Lê Văn L thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm lo lắng chăm sóc cho cuộc sống gia đình, có nhiều lần anh L còn hỗn hào với cha mẹ chị vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên chị Hồ Thị T yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Lê Văn L.

Về quan hệ con chung: chị T xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Lê Như T, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Đăng K, sinh ngày 24/01/2010, hiện nay đang sống với chị T. Khi ly hôn T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

Về nợ: vợ chồng anh chị không có nợ ai, không ai nợ nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Lê Văn L: Mặc dù anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh L theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh L, chị xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lê Văn L chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại chị T xác định chị không còn tình cảm với anh L. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của chị T và anh L nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc vợ chồng chị T và anh L ly thân với nhau thì 02 người con tên Lê Như T, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Đăng K, sinh ngày 24/01/2010 là do chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự

phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả hai người con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị T và anh L không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh L. Anh L có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh L vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã An Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị T và anh L lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng 06 tháng năm qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh L, chị xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh L, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía chị T xác định hiện tại chị đã không còn tình cảm gì với anh L, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị T và anh L là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị T và anh L ly thân với nhau thì 02 người con tên Lê Như T, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Đăng K, sinh ngày 24/01/2010 là do chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Hơn nữa nguyện vọng của cả hai người là muốn được tiếp tục sống cùng với chị T. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai người con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T; Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Lê Văn L.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Lê Như T, sinh ngày 13/10/2007 và Lê Đăng K, sinh ngày 24/01/2010 cho chị Hồ Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Văn L.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Hồ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011464 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Hồ Thị T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Lê Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã AP
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;